



EY

Building a better
working world

Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế Domesco

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 31 tháng 12 năm 2015



Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế Domesco

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 30

Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế Domesco

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế Domesco ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1400460395 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Tháp cấp vào ngày 30 tháng 12 năm 2003, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép niêm yết số 94/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 4 tháng 12 năm 2006.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu, phụ liệu dùng làm thuốc, vật tư y tế, trang thiết bị, dụng cụ y tế, hóa chất xét nghiệm; nước uống tinh khiết, nước khoáng thiên nhiên, và nước uống từ dược liệu; nguyên liệu, thực phẩm chức năng, thực phẩm dinh dưỡng; thu mua, trồng và chiết xuất dược liệu làm thuốc.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 66, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại các tỉnh/thành phố tại Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Chí Thành	Chủ tịch	
Ông Alejandro Esteban Weinstein Manieu	Phó Chủ tịch	
Ông Huỳnh Trung Chánh	Thành viên	
Bà Lương Thị Hương Giang	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Hóa	Thành viên	
Ông Andrew Hamish Lane	Thành viên	bổ nhiệm ngày 12 tháng 3 năm 2015
Ông Jose Guillermo Frugone Domke	Thành viên	từ nhiệm ngày 12 tháng 3 năm 2015

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Phi Thúc	Trưởng ban
Bà Huỳnh Thị Tố Quyên	Thành viên
Ông Phan Thế Thành	Thành viên
Bà Trần Thái Thanh	Thành viên
Bà Servane Marie Amelie Gorgiard	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lương Thị Hương Giang	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hóa	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Bà Lương Thị Hương Giang.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế Domesco

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế Domesco ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Như được trình bày tại Thuyết minh số 11, Công ty là công ty mẹ có một công ty con ("Nhóm Công ty") và báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng đã được phát hành riêng rẽ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc: *Jun*



Thanh
Lương Thị Hương Giang
Tổng Giám đốc

Ngày tháng 3 năm 2016



Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

**Building a better
working world**

Số tham chiếu: 61197154/17803048

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế Domesco

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế Domesco ("Công ty") được lập tại ngày 29 tháng 3 năm 2016 và được trình bày từ trang 5 đến trang 30, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



**Building a better
working world**

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất này và báo cáo kiểm toán độc lập của chúng tôi đề ngày 29 tháng 3 năm 2016 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được một công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính riêng đó vào ngày 19 tháng 3 năm 2015.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Ernest Young Chìn Kang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1891-2013-004-1

Ngô Bửu Quốc Đạt
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2198-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		719.519.556.040	638.126.981.622
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	134.839.372.536	28.628.992.541
111	1. Tiền		54.803.816.980	28.628.992.541
112	2. Các khoản tương đương tiền		80.035.555.556	-
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		306.062.123.567	296.003.743.499
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	289.502.216.717	284.947.492.315
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.577.897.132	5.493.906.577
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	19.849.287.117	9.714.978.828
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5,6	(4.867.277.399)	(4.152.634.221)
140	III. Hàng tồn kho	7	276.995.887.501	311.615.210.446
141	1. Hàng tồn kho		277.573.168.931	312.192.491.876
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(577.281.430)	(577.281.430)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		1.622.172.436	1.879.035.136
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	1.622.172.436	1.630.929.998
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	248.105.138
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		268.071.886.702	290.912.318.866
220	I. Tài sản cố định		237.985.516.190	258.671.741.095
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	186.529.586.184	206.776.086.845
222	Nguyên giá		416.895.512.502	405.556.080.119
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(230.365.926.318)	(198.779.993.274)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	51.455.930.006	51.895.654.250
228	Nguyên giá		57.650.853.583	56.308.155.470
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(6.194.923.577)	(4.412.501.220)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		1.869.249.023	1.685.601.045
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	1.869.249.023	1.685.601.045
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	11	17.048.622.743	15.468.216.971
251	1. Đầu tư vào công ty con		8.500.000.000	8.500.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		20.000.000.000	20.000.000.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(11.451.377.257)	(13.031.783.029)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		11.168.498.746	15.086.759.755
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	8.159.131.260	10.546.757.711
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	24,3	3.009.367.486	4.540.002.044
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		987.591.442.742	929.039.300.488


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		194.097.884.791	208.210.671.318
310	I. Nợ ngắn hạn		193.120.893.483	207.140.239.773
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13.1	137.192.070.842	141.749.818.684
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13.2	7.242.976.970	3.332.786.231
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	16.875.625.258	15.364.848.304
314	4. Phải trả người lao động		13.811.623.512	20.987.535.049
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	15.226.837.432	21.493.106.895
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	1.188.346.401	3.409.184.408
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.583.413.068	802.960.202
330	II. Nợ dài hạn		976.991.308	1.070.431.545
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	976.991.308	1.070.431.545
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		793.493.557.951	720.828.629.170
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	793.493.557.951	720.828.629.170
411	1. Vốn cổ phần		267.137.970.000	267.137.970.000
411a	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết		267.137.970.000	267.137.970.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		140.470.629.894	140.470.629.894
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		243.133.031.737	189.796.687.520
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		142.751.926.320	123.423.341.756
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		142.751.926.320	123.423.341.756
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		987.591.442.742	929.039.300.488



Đoàn Thị Quyên
Người lập



Phạm Ngọc Tuyền
Kế toán trưởng




Lương Thị Hương Giang
Tổng Giám đốc

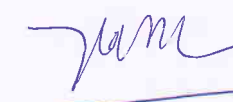
Ngày tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.1	1.399.240.601.836	1.656.730.467.937
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	18.1	(167.074.129.384)	(171.891.999.025)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.1	1.232.166.472.452	1.484.838.468.912
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	19	(823.200.895.409)	(1.061.167.574.505)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		408.965.577.043	423.670.894.407
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18.2	2.067.345.438	6.126.193.221
22	7. Chi phí tài chính	21	(4.638.773.498)	(8.148.825.992)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	5.658.678.953
25	8. Chi phí bán hàng	20	(143.110.492.456)	(140.497.604.776)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	(81.564.932.385)	(120.941.681.024)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		181.718.724.142	160.208.975.836
31	11. Thu nhập khác	22	1.802.993.148	8.118.380.093
32	12. Chi phí khác	22	(40.225.000)	(529.222.274)
40	13. Lợi nhuận khác	22	1.762.768.148	7.589.157.819
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		183.481.492.290	167.798.133.655
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.1	(39.198.931.412)	(36.010.228.168)
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	24.1	(1.530.634.558)	(364.563.731)
60	17. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		142.751.926.320	131.423.341.756


Đoàn Thị Quyên
Người lập


Phạm Ngọc Tuyền
Kế toán trưởng




Lương Thị Hương Giang
Tổng Giám đốc

Ngày tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		183.481.492.290	167.798.133.655
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản	8, 9	34.479.881.020	34.191.567.920
03	Các khoản dự phòng		(865.762.594)	1.974.972.100
04	Lỗi (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	21, 18.2	1.059.024.703	(324.003.330)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(1.099.615.688)	(2.945.168.499)
06	Chi phí lãi vay		-	5.658.678.953
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		217.055.019.731	206.354.180.799
09	Giảm các khoản phải thu		1.465.257.604	45.056.493.991
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		34.619.322.945	(602.785.639)
11	Giảm các khoản phải trả		(17.835.045.959)	(72.884.811.660)
12	Giảm chi phí trả trước		3.518.843.034	2.370.336.270
14	Tiền lãi vay đã trả		-	(5.866.530.397)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	24.2	(40.115.682.698)	(34.992.836.353)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		588.821.297	-
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(30.828.386.598)	(15.672.906.398)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		168.468.149.356	123.761.140.613
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(15.250.989.525)	(25.955.394.433)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		278.483.841	157.720.018
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		-	30.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(1.782.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	2.261.640.000
27	Lãi tiền gửi nhận được		824.606.847	1.488.808.499
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư		(14.147.898.837)	6.170.774.084
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền vay nhận được		-	175.828.023.328
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		-	(284.588.993.102)
36	Cổ tức đã trả		(48.084.834.600)	(18.905.706.375)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(48.084.834.600)	(127.666.676.149)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		106.235.415.919	2.265.238.548
60	Tiền đầu năm		28.628.992.541	26.363.745.069
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(25.035.924)	8.924
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	134.839.372.536	28.628.992.541


Đoàn Thị Quyên
Người lập


Phạm Ngọc Tuyền
Kế toán trưởng


Lương Thị Hương Giang
Tổng Giám đốc



Ngày tháng 3 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế Domesco (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1400460395 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 30 tháng 12 năm 2003, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết số 94/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 4 tháng 12 năm 2006.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu, phụ liệu dùng làm thuốc, vật tư y tế, trang thiết bị, dụng cụ y tế, hóa chất xét nghiệm; nước uống tinh khiết, nước khoáng thiên nhiên, và nước uống từ dược liệu; nguyên liệu, thực phẩm chức năng, thực phẩm dinh dưỡng; thu mua, trồng và chiết xuất dược liệu làm thuốc.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 66, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có 12 chi nhánh phụ thuộc tại Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 1.286 người (31 tháng 12 năm 2014: 1.285 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có một công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 11. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Công văn số 1419/UBCK-PTTT - Hướng dẫn Thông tư số 52/2012/TT-BTC. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con (“Nhóm Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đến ngày 31 tháng 3 năm 2016.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

2.2 Các chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Các chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là chứng từ ghi sổ.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới báo cáo tài chính riêng của Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã báo cáo lại số liệu tương ứng của năm trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính riêng năm nay như đã trình bày tại Thuyết minh số 27.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà công ty có khả năng thu tiền dự kiến tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|---|---|
| Nguyên vật liệu, và hàng hóa | - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và thành phẩm | - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm và các hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Công ty mua hoặc thuê. Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là lâu dài hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn thể hiện giá trị tiền thuê đất được khấu trừ theo thời gian thuê còn quyền sử dụng đất lâu dài thì không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Quyền sử dụng đất	37 - 50 năm
Bằng sáng chế	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	7 - 8 năm

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá khoản đầu tư vào công ty con và đầu tư góp vào đơn vị khác vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Các nghiệp vụ về ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các nghiệp vụ về ngoại tệ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.12 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

▶ Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và được ghi nhận như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	2.529.755.423	2.355.092.349
Tiền gửi ngân hàng	52.274.061.557	26.273.900.192
Các khoản tương đương tiền (*)	80.035.555.556	-
TỔNG CỘNG	134.839.372.536	28.628.992.541

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất tiền gửi có thể áp dụng.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên khác	289.502.216.717	284.947.492.315
<i>Trong đó:</i>		
<i>Công ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm Thuận Gia</i>	24.724.282.024	45.194.877.984
<i>Khác</i>	264.777.934.693	239.752.614.331
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.815.364.753)	(2.448.207.723)
GIÁ TRỊ THUẦN	286.686.851.964	282.499.284.592

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng cho nhân viên	13.000.375.607	1.663.976.868
Ký quỹ, ký cược	1.289.418.250	1.410.476.675
Cho vay không có lãi	670.000.000	1.400.000.000
Phải thu khác	<u>4.889.493.260</u>	<u>5.240.525.285</u>
TỔNG CỘNG	19.849.287.117	9.714.978.828
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu khác</i>	<i>19.179.287.117</i>	<i>8.314.978.828</i>
<i>Bên liên quan (Thuyết minh số 25)</i>	<i>670.000.000</i>	<i>1.400.000.000</i>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>(2.051.912.646)</u>	<u>(1.704.426.498)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>17.797.374.471</u>	<u>8.010.552.330</u>

7. HÀNG TỒN KHO

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Thành phẩm	107.045.706.170	-	115.365.732.158	-
Nguyên vật liệu	90.277.972.093	(577.281.430)	99.948.820.321	(577.281.430)
Hàng hóa	48.215.608.499	-	66.980.054.632	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	22.068.421.969	-	19.163.588.215	-
Hàng mua đang đi đường	9.965.460.200	-	10.734.296.550	-
TỔNG CỘNG	<u>277.573.168.931</u>	<u>(577.281.430)</u>	<u>312.192.491.876</u>	<u>(577.281.430)</u>

Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế Domesco

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	VND
Nguyên giá:					
Số đầu năm	167.107.836.079	191.777.742.751	36.797.188.371	9.873.312.918	405.556.080.119
Mua mới trong năm	4.530.541.470	4.391.998.636	3.180.325.823	146.350.000	12.249.215.929
Chuyển từ xây dựng cơ bản dờ đang	205.217.073	-	-	-	205.217.073
Thanh lý	-	(278.345.047)	(124.408.750)	(712.246.822)	(1.115.000.619)
Số cuối năm	171.843.594.622	195.891.396.340	39.853.105.444	9.307.416.096	416.895.512.502
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	16.593.455.861	53.774.659.874	6.134.361.217	8.021.652.376	84.524.129.328
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	57.050.923.818	113.119.338.913	20.393.169.670	8.216.560.873	198.779.993.274
Khấu hao trong năm	7.683.154.480	19.083.588.073	5.152.342.462	778373648	32.697.458.663
Thanh lý	-	(278.345.047)	(124.408.750)	(708.771.822)	(1.111.525.619)
Số cuối năm	64.734.078.298	131.924.581.939	25.421.103.382	8.286.162.699	230.365.926.318
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	110.056.912.261	78.658.403.838	16.404.018.701	1.656.752.045	206.776.086.845
Số cuối năm	107.109.516.324	63.966.814.401	14.432.002.062	1.021.253.397	186.529.586.184

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND			
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Bằng sáng chế</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Số đầu năm	51.753.032.828	2.705.904.762	1.849.217.880	56.308.155.470
Mua trong năm	612.000.000	723.809.524	154.640.000	1.490.449.524
Thanh lý	<u>(147.751.411)</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>(147.751.411)</u>
Số cuối năm	<u>52.217.281.417</u>	<u>3.429.714.286</u>	<u>2.003.857.880</u>	<u>57.650.853.583</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số đầu năm	2.383.362.056	703.130.847	1.326.008.317	4.412.501.220
Hao mòn trong năm	<u>732.964.548</u>	<u>798.552.451</u>	<u>250.905.358</u>	<u>1.782.422.357</u>
Số cuối năm	<u>3.116.326.604</u>	<u>1.501.683.298</u>	<u>1.576.913.675</u>	<u>6.194.923.577</u>
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	<u>49.369.670.772</u>	<u>2.002.773.915</u>	<u>523.209.563</u>	<u>51.895.654.250</u>
Số cuối năm	<u>49.100.954.813</u>	<u>1.928.030.988</u>	<u>426.944.205</u>	<u>51.455.930.006</u>

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Nhà máy bao bì sạch	370.140.909	370.140.909
Nhà máy sản xuất thuốc viên-cốm, bột	246.901.546	246.901.546
Khu bảo tồn, nuôi, trồng dược liệu Tri Tôn	245.962.287	245.962.287
Nhà máy sản xuất thuốc Nonbetalactam	235.249.091	235.249.091
Máy móc, thiết bị	-	118.117.943
Khác	<u>770.995.190</u>	<u>469.229.269</u>
TỔNG CỘNG	<u>1.869.249.023</u>	<u>1.685.601.045</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty con (*)	8.500.000.000	8.500.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (**)	20.000.000.000	20.000.000.000
TỔNG CỘNG	28.500.000.000	28.500.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(11.451.377.257)	(13.031.783.029)
GIÁ TRỊ THUẦN	17.048.622.743	15.468.216.971

(*) Chi tiết khoản đầu tư vào công ty con như sau:

Tên công ty	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn đầu tư (VND)	% sở hữu	Vốn đầu tư (VND)	% sở hữu
Công ty TNHH Domenol	8.500.000.000	100	8.500.000.000	100
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(4.620.373.945)		(2.735.385.023)	
GIÁ TRỊ THUẦN	3.879.626.055		5.764.614.977	

Công ty TNHH Domenol ("DMN") là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1401164085 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 23 tháng 12 năm 2009, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh. DMN có trụ sở chính tại Cụm Công nghệ Dược Kỹ thuật cao Domesco, Ấp An Định, Xã An Bình, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam. Hoạt động chính của DMN là sản xuất kinh doanh các hóa chất cơ bản và các sản phẩm hóa chất khác phục vụ cho việc sản xuất cồn công nghiệp.

(**) Chi tiết khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

Tên công ty	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn đầu tư (VND)	% sở hữu	Vốn đầu tư (VND)	% sở hữu
Công ty Cổ phần Bao bì ATP	20.000.000.000	6,67	20.000.000.000	6,67
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(6.831.003.312)		(10.296.398.006)	
GIÁ TRỊ THUẦN	13.168.996.688		9.703.601.994	

Công ty Cổ phần Bao bì ATP ("ATP") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3700811591 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 9 tháng 7 năm 2007, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh. ATP có trụ sở chính tại số 99A, tổ 3A, Khu phố 5, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Hoạt động chính của ATP là sản xuất và cung cấp bao bì chất dẻo cho các nhà sản xuất dược phẩm, mỹ phẩm, thuốc thú y, thực phẩm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	858.641.681	1.167.148.153
Chi phí bảo hiểm	193.934.745	16.876.268
Chi phí thuê cửa hàng, văn phòng	134.700.007	156.332.271
Chi phí khác	434.896.003	290.573.306
	<u>1.622.172.436</u>	<u>1.630.929.998</u>
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ	6.044.576.453	8.314.465.663
Chi phí sửa chữa	631.807.233	578.786.987
Chi phí khác	1.482.747.574	1.653.505.061
	<u>8.159.131.260</u>	<u>10.546.757.711</u>
TỔNG CỘNG	<u>9.781.303.696</u>	<u>12.177.687.709</u>

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

13.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên khác	97.789.794.133	93.674.563.043
<i>Trong đó:</i>		
<i>Sinobright Pharmaceutical Limited Company</i>	21.107.996.000	-
<i>KHS Synchemia Corporation</i>	12.879.052.880	8.960.240.025
<i>Phải trả đối tượng khác</i>	63.595.758.121	84.714.323.018
Bên liên quan (<i>Thuyết minh số 25</i>)	39.402.276.709	48.075.255.641
TỔNG CỘNG	<u>137.192.070.842</u>	<u>141.749.818.684</u>

13.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Thương mại Thanh Quý	6.900.489.060	2.361.531.408
Đối tượng khác	342.487.910	971.254.823
TỔNG CỘNG	<u>7.242.976.970</u>	<u>3.332.786.231</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 24.2)	9.680.704.303	41.318.896.529	40.115.682.698	10.883.918.134
Thuế giá trị gia tăng	3.835.434.909	43.289.728.671	42.144.289.738	4.980.873.842
Thuế thu nhập cá nhân	897.983.960	1.046.242.178	1.487.169.928	457.056.210
Các loại thuế khác	950.725.132	10.904.791.900	11.301.739.960	553.777.072
TỔNG CỘNG	15.364.848.304	96.559.659.278	95.048.882.324	16.875.625.258

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Hoa hồng bán hàng	15.046.837.432	20.636.372.929
Chi phí trích trước khác	180.000.000	856.733.966
TỔNG CỘNG	15.226.837.432	21.493.106.895

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Thù lao Hội đồng Quản trị	627.746.422	505.989.987
Nhận ký quỹ, ký cược	514.305.207	1.745.239.315
Cổ tức	13.510.900	13.510.900
Các khoản khác	32.783.872	1.144.444.206
	<u>1.188.346.401</u>	<u>3.409.184.408</u>
Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược	976.991.308	1.070.431.545
TỔNG CỘNG	2.165.337.709	4.479.615.953

Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế Domesco

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND
Năm trước					
Số đầu năm	178.093.360.000	229.515.239.894	147.107.874.315	73.787.152.721	628.503.626.930
Tăng vốn	89.044.610.000	(89.044.610.000)	-	-	-
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
Trích lập quỹ	-	-	41.179.478.967	(60.587.494.821)	(19.408.015.854)
Cổ tức công bố	-	-	-	(18.699.657.900)	(18.699.657.900)
Sử dụng quỹ	-	-	(272.499.262)	-	(272.499.262)
Tặng khác	-	-	1.781.833.500	-	1.781.833.500
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	131.423.341.756	131.423.341.756
Số cuối năm	267.137.970.000	140.470.629.894	189.796.687.520	123.423.341.756	720.828.629.170
Năm nay					
Số đầu năm	267.137.970.000	140.470.629.894	189.796.687.520	123.423.341.756	720.828.629.170
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Trích lập quỹ	-	-	53.090.612.532	(69.504.113.795)	(16.413.501.263)
Cổ tức công bố	-	-	-	(48.084.834.600)	(48.084.834.600)
Sử dụng quỹ	-	-	(184.078.112)	-	(184.078.112)
Tặng khác	-	-	429.809.797	-	429.809.797
Giảm khác (*)	-	-	-	(2.834.393.361)	(2.834.393.361)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	142.751.926.320	142.751.926.320
Số cuối năm	267.137.970.000	140.470.629.894	243.133.031.737	142.751.926.320	793.493.557.951

(*) Căn cứ vào Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 7 tháng 3 năm 2015, Công ty đã được phê duyệt sử dụng nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối để thanh toán nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh thêm và khoản phạt hành chính với số tiền là 2.834.393.361 VND, theo Biên bản Quyết toán thuế cho giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2013 của Cục thuế Tỉnh Đồng Tháp ngày 14 tháng 2 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

17.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đã góp		
Số đầu năm	267.137.970.000	178.093.360.000
Tăng trong năm	-	89.044.610.000
Số cuối năm	<u>267.137.970.000</u>	<u>267.137.970.000</u>
Cổ tức đã trả	48.084.834.600	18.905.706.375

17.3 Cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	26.713.797	267.137.970.000	26.713.797	267.137.970.000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành	26.713.797	267.137.970.000	26.713.797	267.137.970.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	26.713.797	267.137.970.000	26.713.797	267.137.970.000

18. DOANH THU

18.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	1.399.240.601.836	1.656.730.467.937
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán thành phẩm	1.181.082.508.478	1.303.885.947.067
Doanh thu bán hàng hóa	218.146.743.358	348.213.960.788
Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.350.000	4.630.560.082
Các khoản giảm trừ doanh thu	167.074.129.384	171.891.999.025
<i>Trong đó:</i>		
Chiết khấu thương mại	164.161.921.680	167.960.713.445
Hàng bán bị trả lại	2.749.793.815	3.910.059.243
Thuế tiêu thụ đặc biệt	162.413.889	21.226.337
DOANH THU THUẦN	<u>1.232.166.472.452</u>	<u>1.484.838.468.912</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. DOANH THU (tiếp theo)

18.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.232.269.626	270.286.350
Lãi tiền gửi	824.606.847	1.404.208.499
Chiết khấu thanh toán	-	2.043.617.925
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	324.003.330
Các khoản khác	10.468.965	2.084.077.117
TỔNG CỘNG	<u>2.067.345.438</u>	<u>6.126.193.221</u>

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn thành phẩm đã bán	631.518.875.159	735.232.581.344
Giá vốn hàng hóa đã bán	191.682.020.250	325.934.993.161
TỔNG CỘNG	<u>823.200.895.409</u>	<u>1.061.167.574.505</u>

20. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	143.110.492.456	140.497.604.776
Chi phí lương nhân viên bán hàng	52.108.833.919	51.863.096.378
Hoa hồng bán hàng	38.403.203.132	49.697.463.026
Chi phí nghiên cứu, phát triển thị trường	20.872.780.122	15.313.324.468
Chi phí vận chuyển	10.981.952.496	6.524.125.547
Chi phí khác	20.743.722.787	17.099.595.357
Chi phí quản lý doanh nghiệp	81.564.932.385	120.941.681.024
Chi phí lương nhân viên quản lý	43.208.512.129	53.145.283.246
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.059.265.058	23.209.311.718
Chi phí khấu hao	11.264.134.469	18.597.323.766
Chi phí khác	12.033.020.729	25.989.762.294
TỔNG CỘNG	<u>224.675.424.841</u>	<u>261.439.285.800</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.939.339.739	742.159.316
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.059.024.703	-
Chi phí lãi vay	-	5.658.678.953
(Hoàn nhập dự phòng) dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(1.580.405.772)	1.747.118.766
Khác	220.814.828	868.957
TỔNG CỘNG	<u>4.638.773.498</u>	<u>8.148.825.992</u>

22. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác		
Hỗ trợ từ nhà cung cấp	1.492.672.678	2.786.993.680
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	278.483.841	65.000.000
Hoàn nhập nguồn kinh phí công đoàn	-	4.627.322.479
Thu nhập khác	31.836.629	639.063.934
	<u>1.802.993.148</u>	<u>8.118.380.093</u>
Chi phí khác		
Xóa sổ khoản phải thu DMN	-	(453.553.922)
Khác	(40.225.000)	(75.668.352)
	<u>(40.225.000)</u>	<u>(529.222.274)</u>
LỢI NHUẬN KHÁC	<u>1.762.768.148</u>	<u>7.589.157.819</u>

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	1.143.841.427.799	1.426.879.418.014
Chi phí nhân công	148.819.071.107	157.363.666.986
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định (Thuyết minh số 8, 9)	34.479.881.020	34.191.567.920
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.875.605.930	13.526.617.786
Chi phí khác	76.329.463.776	96.133.089.614
TỔNG CỘNG	<u>1.420.345.449.632</u>	<u>1.728.094.360.320</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) áp dụng cho Công ty là 22% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

24.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	39.198.931.412	36.010.228.168
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	2.119.965.117	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	1.530.634.558	364.563.731
TỔNG CỘNG	42.849.531.087	36.374.791.899

24.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận thuần trước thuế theo báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và thu nhập chịu thuế:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	183.481.492.290	167.798.133.655
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Thay đổi chi phí phải trả	(5.589.535.497)	(4.561.056.082)
Chi phí khấu hao vượt mức	189.844.164	110.742.431
Chi phí không được khấu trừ khác	95.160.000	335.035.305
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm	178.176.960.957	163.682.855.309
Thuế TNDN phải trả ước tính trong năm	39.198.931.412	36.010.228.168
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	2.119.965.117	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	41.318.896.529	36.010.228.168
Thuế TNDN phải trả đầu năm	9.680.704.303	8.663.312.488
Thuế TNDN đã trả trong năm	(40.115.682.698)	(34.992.836.353)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	10.883.918.134	9.680.704.303

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

24.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán riêng</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chí phí phải trả	<u>3.009.367.486</u>	<u>4.540.002.044</u>	<u>(1.530.634.558)</u>	<u>(364.563.731)</u>

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	VND	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty TNHH CFR International Spa	Cổ đông	Mua nguyên liệu	61.779.531.720	60.376.658.508
Công ty TNHH Domenol	Công ty con	Mua nguyên liệu Góp vốn	2.605.650.000 -	3.267.890.000 1.500.000.000
Công ty Cổ phần Bao bì Công nghệ cao Vĩnh Tường	Bên liên quan	Mua nguyên liệu	207.054.750	305.365.000

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	VND	
			<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>				
Công ty TNHH Domenol	Công ty con	Cho mượn	<u>670.000.000</u>	<u>1.400.000.000</u>
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>				
Công ty TNHH CFR International Spa	Cổ đông	Mua nguyên liệu	38.967.903.484	47.705.342.141
Công ty TNHH Domenol	Công ty con	Mua nguyên liệu	405.075.000	235.950.000
Công ty Cổ phần Bao bì Công nghệ cao Vĩnh Tường	Bên liên quan	Mua nguyên liệu	<u>29.298.225</u>	<u>133.963.500</u>
			<u>39.402.276.709</u>	<u>48.075.255.641</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	<u>3.472.131.619</u>	<u>3.050.325.415</u>

26. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê kho theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	456.000.000	864.500.000
Từ 1 năm đến 5 năm	<u>1.032.000.000</u>	<u>85.000.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>1.488.000.000</u>	<u>949.500.000</u>

27. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số khoản mục tương ứng trên bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày báo cáo tài chính riêng của năm nay do việc áp dụng Thông tư 200. Chi tiết như sau:

	VND		
	Số đầu năm (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Số đầu năm (được trình bày lại)
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG			
Phải thu ngắn hạn khác	6.640.525.285	3.074.453.543	9.714.978.828
Thuế GTGT được khấu trừ	317.577.717	(317.577.717)	-
Tài sản ngắn hạn khác	3.074.453.543	(3.074.453.543)	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15.682.426.021	(317.577.717)	15.364.848.304
Quỹ đầu tư phát triển	171.987.351.520	17.809.336.000	189.796.687.520
Quỹ dự phòng tài chính	17.809.336.000	(17.809.336.000)	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng.



Đoàn Thị Quyên
Người lập



Phạm Ngọc Tuyền
Kế toán trưởng



Lương Thị Hương Giang
Tổng Giám đốc

Ngày tháng 3 năm 2016